

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Công Trọng và bà Bùi Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Việt Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại cơ sở 2, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2005/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Thị H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/4/1987 tại C - Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình, nay là xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị L, sinh năm 1965; bị cáo có chồng là Bùi Văn T, sinh năm 1984 và 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/5/2025 đến ngày 10/9/2025. Ngày 11/9/2025 cho đến nay được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh - Có mặt.

Bị hại: + Anh Trần Đức T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn I, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, nay là thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt có lý do.

+ Anh Phạm Tuấn Tr, sinh năm 1963, nơi cư trú: Khu phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh - Vắng mặt có lý do.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1988, nơi cư trú: Khu B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là khu B, xã T, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt có lý do.

- Anh Quách Văn K, sinh năm 1993, nơi cư trú: Khu B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là khu B, xã T, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt có lý do.

- Chị Bùi Thị S, sinh năm 1981, nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xóm T, xã M, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt có lý do.

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1965, nơi cư trú: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xóm M, xã M1, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt có lý do.

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993, nơi cư trú : TDP P, phường H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có lý do.

- Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xóm M, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xóm M, xã M1, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt có lý do.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, nơi cư trú: Số nhà 32, tổ 7, phường H, tỉnh Phú Thọ - Vắng mặt có lý do.

- Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình, nay là xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị H, sinh năm 1987 ở xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ là lao động tự do thông qua nhóm môi giới bất động sản Hòa Bình quen biết Bùi Văn C và Quách Văn K ở khu B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Trần Đức T, sinh năm 1983 ở thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nay là thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh là người mua đất, trước đó H đã giới thiệu cho T một số thửa đất trên địa bàn huyện Tân Lạc cũ và mua bán thành công 01 thửa đất. Khoảng tháng 7 năm 2023 H giới thiệu cho T 01 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 14 có diện tích 523,8m² tại xóm Mùòng Khung, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Mùòng Bi, tỉnh Phú Thọ. T và anh Phạm Tuấn Tr, sinh năm 1963 ở khu phố T, phường T1, tỉnh Bắc Ninh góp chung vốn mua thửa đất này. Nguồn gốc thửa đất là của ông Bùi Văn T và 2 con gái là Bùi Thị T và Bùi Thị T1. Ông T đã chuyển nhượng giấy viết tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho chị Bùi Thị S, sinh năm 1981 ở xóm T, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã M, tỉnh Phú Thọ. H biết mảnh đất nay qua 2 người làm nghề môi giới bất động sản là Bùi Văn C và Quách Văn K. Khi H đặt vấn đề mua đất thì chị S thông báo với ông T đề đứng ra bán đất và làm thủ tục chuyển nhượng đất chị S trả công ông T số tiền 30.000.000đồng từ tiền bán đất. Ngày 26/7/2023 C, K và H đến nhà chị S để thỏa thuận và làm hợp đồng đặt cọc với nội dung bên bán là Bùi Thị S (viết nhầm là Bùi Thị S1), bên mua là Bùi Thị H, người làm chứng là Bùi Văn C, giá mua đất là 145.000.000đồng, tiền đặt cọc 10.000.000đồng do C là người chuyển khoản cọc cho S, S nhận tiền cọc và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho K giữ và quản lý. Sau ký kết hợp đồng đặt cọc với S thì H đưa T và Tr đến xem đất thì T và Tr đồng ý mua chung thửa đất này với giá 180.000.000đồng và đặt cọc 30.000.000đồng do T chuyển khoản đặt cọc cho H để mua mảnh đất khác chuyển sang làm tiền cọc để mua thửa số 48, tờ bản đồ số 14 có diện tích 523,8m² tại xóm Mùòng Khung, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Mùòng Bi, tỉnh Phú Thọ. H và T trao đổi qua điện thoại không lập hợp đồng cụ thể. Hồng có trách nhiệm hoàn tất thủ tục trích đo, nộp thuế, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người mua và xây tường bao quanh thửa đất, khi ra sổ bên mua sẽ thanh toán toàn bộ tiền mua đất còn lại, ngoài ra bên mua đất trả thêm 20.000.000đồng là tiền công di dời mộ trên đất. Ngày 01/8/2023 H hẹn T và Tr đến phòng Công chứng số 1 tỉnh Hòa Bình (nay là phòng công chứng số 4, tỉnh Phú Thọ) để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. C, K đưa ông T và Bùi Thị T con gái ông T gặp H, T và Tr tại đó. Các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng, tuy nhiên do thiếu Bùi Thị T1 (con gái ông T) địa chỉ ở thành

phố Y, tỉnh Yên Bái nay là phường H, tỉnh Lào Cai, hơn nữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đính chính thông tin sai tên con gái ông T nên hợp đồng chưa được phát hành. K đã cầm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ công chứng viên Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 là công chứng viên và đi về. Trong ngày 01/8/2023 T lại chuyển khoản cho H số tiền 50.000.000đồng, ngày 02/8/2023 H làm việc với H công chứng viên để phát hành được hợp đồng (nợ các thủ tục còn thiếu và phải đính chính). Khi hợp đồng có công chứng thì H đưa cho T và T tiếp tục chuyển khoản số tiền 83.000.000đồng. Tính đến ngày 02/8/2023 tổng số T chuyển khoản cho H là 165.000.000đồng gồm 163.000.000đ qua chuyển khoản và 2.000.000đồng tiền mặt.

Khoảng 10 ngày sau kể từ ngày ra phòng Công chứng làm hợp đồng thì K và C gọi điện cho H không bán đất cho H nữa. Sau đó C, K gặp chị S để trả thêm tiền mua thửa đất số số 48, tờ bản đồ số 14 có diện tích 523,8m² tại xóm Mường Khung, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, nay là xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ. Chị S, ông T nhận đủ 145.000.000đồng và bán lại cho anh Bùi Văn B ở xóm R, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Thửa đất này hiện nay đã sang tên cho anh B.

Sau khi nhận 165.000.000đồng tiền của T và được C, K thông báo không giao dịch mua bán đất với H nữa nhưng H vẫn không trả tiền lại cho T, Tr. Nhiều lần T gọi giục H tiến độ làm thủ tục sang tên đất H đều quanh co nói với T đang làm thủ tục sang tên đất với Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Lạc, trong khi đó thực tế H không làm bất cứ việc gì để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Số tiền 165.000.000đồng H chiếm dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSKV15 ngày 15/9/2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 đã truy tố Bùi Thị H về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị H một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến thắc mắc gì về nội dung cáo trạng và không kêu oan.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Thị H đã tác động chồng của bị cáo là anh Bùi Văn T1, sinh năm 1984, ở xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ trả lại toàn bộ cho anh T và anh Tr số tiền 165.000.000đồng để khắc phục hậu quả.

Ý kiến của bị hại và đương sự được Tòa án triệu tập:

Ý kiến của bị hại là anh Trần Đức T: Anh T công nhận sự việc bị cáo Bùi Thị H đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 165.000.000đồng là số tiền mà anh đã tin tưởng giao cho H đặt cọc và mua thửa đất số số 48, tờ bản đồ số 14 có diện tích 523,8m² tại xóm Mường Khung, xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố đối với Bùi Thị H. Ngày 08/9/2025 anh Bùi Văn T1 là chồng của bị cáo đã trả lại số tiền 100.000.000đồng, ngày 19/9/2025 anh T1 lại tiếp tục trả 65.000.000đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H. Về trách nhiệm hình sự, anh T và anh Tr đều có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đã nhận đầy đủ số tiền 165.000.000đồng và không yêu cầu bị cáo trả lãi suất và bồi thường thiệt hại gì nữa.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Bùi Văn T, Bùi Thị T, Bùi Thị T1, Bùi Thị S, Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

Ông T và 2 con là T và T1 có thửa đất số số 48, tờ bản đồ số 14 có diện tích 523,8m² tại xóm Mường Khung, xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ đã bán giấy viết tay cho

chị S nhưng chưa làm thủ tục sang tên, chị S bán cho H qua 2 môi giới là C và K. Ngày 01/8/2023 các bên đã ra phòng công chứng số 1, tỉnh Hòa Bình làm thủ tục công chứng, tuy nhiên do thiếu thủ tục nên H không công chứng nên hợp đồng không phát hành. Ngày 02/8/2023 bị cáo H nói với H cho nợ một số thủ tục nên H đã công chứng hợp đồng và đưa cho H. Ông T, T, T1 và Bùi Thị S không liên quan gì về số tiền T đưa cho bị cáo H để mua đất.

Lời khai của những người có quyền lợi liên quan anh Bùi Văn C, Quách Văn K vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra thể hiện:

Sau khi hợp đồng không được ký ngày 01/8/2023 nên K giữ bì đất rồi cùng C đi về. Sau đó C và K gọi điện nói với H không bán đất nữa. K và C sau đó môi giới cho Bùi Văn B ở xóm R, xã G, huyện T, tỉnh Hòa Bình mua đất của S và trả công cho ông T số tiền 30.000.000đồng, đất đã bán và sang tên cho anh B với giá 145.000.000đồng. C và K không liên quan gì số tiền mà T giao dịch với H để mua đất.

Lời khai của người có quyền lợi liên quan anh Bùi Văn T1 có mặt tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra, truy tố thể hiện:

Trong quá trình thẩm vấn H, bị cáo H đã nói với T1 trả tiền cho anh T, Tr. Ngày 08/9/2025 T1 đã gặp T để khắc phục hậu quả số tiền 100.000.000đồng. Ngày 19/9/2025 T1 lại trả tiếp cho T số tiền 65.000.000đồng, tổng cộng hai lần là 165.000.000đồng. Số tiền này T1 không yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả cho anh vì xác định đây là trách nhiệm của gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã hoàn trả khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền mà bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản số tiền 165.000.000đồng nên không xem xét. Đối với số tiền 165.000.000 đồng mà anh T1 đã khắc phục thay cho bị cáo. Anh T1 không còn yêu cầu gì đối với bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này, nên không xét đến.

* *Các ý kiến tranh luận:* Bị cáo và người có quyền lợi liên quan đến vụ án không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

* *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo biết việc bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 165.000.000đồng của anh Trần Đức T và anh Phạm Tuấn Tr là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và ở ngoài để cải tạo lao động và hoàn lương trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Về chứng cứ kết tội bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ thu thập hợp pháp gồm:

Đơn tố giác của anh Trần Đức T ngày 29/10/2024, các biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; các biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra; lời khai của bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Xét thấy lời khai của bị cáo Bùi Thị H trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được chứng minh bằng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được Hội đồng xét xử xem xét thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Tháng 7 năm 2023 Bùi Thị H quen biết Bùi Văn C và Quách Văn K đã môi giới cho Trần Đức T và Phạm Tuấn Tr mua thửa đất số 14 có diện tích 523,8m² tại xóm Mường Khung, xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ của chị Bùi Thị S, thông qua ông Bùi Văn T. Khi làm hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng số 1 Hòa Bình có mặt các bên tham gia mua bán chuyển nhượng là anh Thành, anh Trang là bên mua, bên bán có chị S, ông T và Bùi Thị T là con ông T. Ngoài ra còn có mặt Bùi Văn C và Quách Văn K cũng người là môi giới bất động sản. Tuy nhiên hợp đồng không được công chứng do thiếu chị Bùi Thị T1 con gái ông T thủ tục và dính chính sai tên, năm sinh, chưa nhập số căn cước công dân người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hợp đồng chưa được phát hành. Sau đó H đã làm việc để công chứng viên Nguyễn Thị H công chứng phát hành hợp đồng còn thiếu và phải dính chính tên. H giao bán hợp đồng cho T và T chuyển khoản cho H tổng cộng là 163.000.000đồng và 2.000.000đồng trước đó nhận tiền mặt. Khi nhận tiền của T xong thì H nhận được thông tin anh C và K không giao dịch mua bán thửa đất này nữa. H đã biết việc giao dịch không thành nhưng không chuyển trả tiền và nói rõ với T mà tiếp tục đưa ra thủ đoạn gian dối tạo niềm tin với T là đang làm thủ tục chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên T để chiếm đoạt tài sản sử dụng cho cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại tiền cho anh T và anh Tr.

Xét bị cáo Bùi Thị H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh Trần Đức T và Phạm Tuấn Tr nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bản Cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; do có sự tác động của bị cáo, nên chồng của bị cáo đã trả cho anh Trần Đức T toàn bộ số tiền mà anh T đã nhận ủy quyền của anh Tr tham gia giao dịch mua bán đất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, về phía các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bố chồng của bị cáo là ông Bùi Mạnh C, sinh năm 1950 là thương binh hạng 4/7, bị nhiễm chất độc hóa học và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1988 và năm 1975 trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; con gái của bị cáo là Bùi Hoài T bị khuyết tật có giấy chứng nhận. Đó là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, nên đề nghị của Viện Kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung tiền đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T1 là chồng của bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả số tiền 165.000.000đồng cho các bị hại là anh T, anh Tr. Các bị hại không có ý kiến gì thêm nên HĐXX không xem xét. Về phía anh T1 không yêu cầu gì đối với bị cáo phải hoàn trả cho mình số tiền trên, nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 30 (*Ba mươi*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 30/9/2025.

Giao bị cáo Bùi Thị H cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp Bùi Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bùi Thị H có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Bùi Thị H phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bùi Thị H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xin xét xử phúc thẩm. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Hà Thị Yến